

**BÁO CÁO**  
**Chỉ tiêu KT-XH 9 tháng đầu năm 2018**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Kế hoạch năm 2018	Ước TH 9 tháng năm 2018		
<b>1. Xóa đói giảm nghèo</b>						
- Tổng số hộ	Hộ	6.596	6.695	6.596	6.826	
Trong đó: đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ	2.785	2.785	2.785	2.841	
- Số hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia)	Hộ	670	570	670	482	
Trong đó: đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ	581	426	581	347	
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia)	%	10.16	8.5	10.16	7.13	
Trong đó: hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số so với tổng số hộ nghèo	%	86.72	74.74	86.72	71.99	
<b>2. Tạo việc làm</b>						
- Tổng số người có việc làm	Người	14.294	14.294	14.342	14.664	
- Tổng số người có việc làm mới trong năm	Người	375	400	313	430	
- Số người trong độ tuổi lao động có khả năng	Người	16.512	16.604	16.295	16.736	
- Số lao động chưa có việc làm ổn định	Người	60	50	71	55	
- Tổng số lao động đã qua đào tạo	Người	4.574	4.673	4.899	4.798	
- Đào tạo lao động	Người	395	400	354	400	
- Số hộ được vay vốn tạo việc làm	Hộ	100	118	125	120	

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Kế hoạch năm 2018	Ước TH 9 tháng năm 2018		
<b>3. Hỗ trợ xây dựng nhà ở</b>						
- Tổng số nhà	Nhà					
trong đó: + Theo Quyết định 22	Nhà	0	187	187		
+ Quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà					

Nam Đông, ngày tháng 9 năm 2018

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Võ Phước Hóa**





**BÁO CÁO**  
**Chỉ tiêu KT-XH 6 tháng đầu năm 2018**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		KH năm 2019	Ghi chú
			Kế hoạch năm 2018	TH 6 tháng năm 2018		
<b>1. Xóa đói giảm nghèo</b>						
- Tổng số hộ	Hộ	6.596	6.695	6.596	6.826	Số liệu hộ nghèo đến cuối năm mới thực hiện rà soát nên dữ liệu không thay đổi so với đầu năm
Trong đó: đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ	2.785	2.785	2.785	2.841	
- Số hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia)	Hộ	670	570	670	482	
Trong đó: đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ	581	426	581	347	
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia)	%	10.16	8.51	10.16	7.06	
Trong đó: hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số so với tổng số hộ nghèo	%	86.72	74.74	86.72	71.99	
<b>2. Tạo việc làm</b>						
- Tổng số người có việc làm	Người					
- Tổng số người có việc làm mới trong năm	Người					
- Số người trong độ tuổi lao động có khả năng	Người					
- Số lao động chưa có việc làm ổn định	Người					
- Tổng số lao động đã qua đào tạo	Người					
- Đào tạo lao động	Người					
- Số hộ được vay vốn tạo việc làm	Hộ					

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		KH năm 2019	Ghi chú
			Kế hoạch năm 2018	TH 6 tháng năm 2018		
<b>3. Hỗ trợ xây dựng nhà ở</b>						
- Tổng số nhà	Nhà					
trong đó: + Theo Quyết định 22	Nhà					
+ Quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà					

*Nam Đông, ngày tháng 5 năm 2018*  
**KT. TRƯỞNG PHÒNG**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH**

**BÁO CÁO**  
**Chỉ tiêu KT-XH 6 tháng đầu năm 2018**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Thực hiện 6 tháng năm 2017	Năm 2018		Ước năm 2018	Ghi chú
				Kế hoạch năm 2018	Ước TH 6 tháng năm 2018		
<b>1. Xóa đói giảm nghèo</b>							
- Tổng số hộ	Hộ	6.596	6.403	6.627	6.596	6.627	
Trong đó: đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ	2.785	2.710	2.785	2.785	2.785	
- Số hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia)	Hộ	670	779	573	670	573	
Trong đó: đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ	581	674	426	581	426	
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia)	%	10.16	12.17	8.65	10.16	8.65	
Trong đó: hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số so với tổng số hộ nghèo	%	86.72	86.52	74.35	86.72	74.35	
<b>2. Tạo việc làm</b>							
- Tổng số người có việc làm	Người	14.294	14.124	14.294	14.124	14.294	
- Tổng số người có việc làm mới trong năm	Người	375	175	400	205	400	
- Số người trong độ tuổi lao động có khả năng	Người	16.512	16.420	16.604	16.420	16.604	
- Số lao động chưa có việc làm ổn định	Người	60	64	50	59	50	
- Tổng số lao động đã qua đào tạo	Người	4.574	4.403	4.673	4.403	4.673	
- Đào tạo lao động	Người	395	170	400	185	400	
- Số hộ được vay vốn tạo việc làm	Hộ	100	60	118	68	115	

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Thực hiện 6 tháng năm 2017	Năm 2018		Ước năm 2018	Ghi chú
				Kế hoạch năm 2018	Ước TH 6 tháng năm 2018		
<b>3. Hỗ trợ xây dựng nhà ở</b>							
- Tổng số nhà	Nhà						
trong đó: + Theo Quyết định 22	Nhà	0	0	193	193	193	
+ Quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà						

*Nam Đông, ngày tháng 5 năm 2018*  
**KT. TRƯỞNG PHÒNG**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH**



Stt	Đơn vị	Dự kiến tổng số hộ dân cư cuối năm 2017	Số hộ nghèo		Số hộ thoát nghèo	
			đầu năm			Biến động
			Số hộ	Tỷ lệ		
1	2	3	4			
<b>I</b>	<b>Khu vực thành thị</b>	<b>906</b>	<b>26</b>	<b>2.93</b>	<b>3</b>	
1	Thị trấn Khe Tre	906	26	2.93	3	
<b>II</b>	<b>Khu vực nông thôn</b>	<b>5.625</b>	<b>753</b>	<b>13.65</b>	<b>185</b>	
1	Xã Thượng Quảng	527	61	11.8	36	
2	Xã Thượng Long	642	220	34.98	30	
3	Xã Hương Hữu	659	233	36.07	32	
4	Xã Hương Giang	406	15	3.77	2	
5	Xã Thượng Nhật	556	80	14.68	55	
6	Xã Hương Hòa	663	9	1.38	2	
7	Xã Hương Sơn	363	18	5.06	4	
8	Xã Thượng Lộ	324	77	24.21	12	
9	Xã Hương Lộc	594	15	2.58	2	
10	Xã Hương Phú	891	25	2.86	10	
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.531</b>	<b>779</b>	<b>12.17</b>	<b>188</b>	

Số hộ nghèo trong năm		Số hộ nghèo cuối năm		Tỷ lệ giảm so với đầu năm
		Số hộ	Tỷ lệ	
Dự kiến số hộ tái nghèo	Dự kiến số hộ nghèo phát sinh	Số hộ	Tỷ lệ	
6	8	10	11=10/1	12
0	0	23	2.54	-0.39
0	0	23	2.54	-0.39
6	6	580	10.31	-3.34
0	0	25	4.74	-7.06
0	0	190	29.61	-5.36
0	0	201	30.5	-5.56
0	0	13	3.2	-0.57
6	6	37	6.66	-8.02
0	0	7	1.06	-0.33
0	0	14	3.86	-1.2
0	0	65	20.04	-4.17
0	0	13	2.19	-0.39
0	0	15	1.68	-1.18
6	6	603	9.23	-2.93